

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

*Báo cáo soát xét về Báo Cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018
kết thúc vào ngày 30/06/2018*



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 36



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần SPI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được soát xét.

Công ty Cổ Phần SPI được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 2801330959; cấp ngày 13 tháng 04 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Chuẩn bị mặt bằng; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Khai thác và thu gom than cứng, than non; Dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Dịch vụ khoan nổ mìn; Sản Xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy nội địa; Trồng và chăm sóc rừng; Đại lý môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **168.150.000.000 VND**

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 30/06/2018: **168.150.000.000 VND**

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông	: Trần Thái Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông	: Nguyễn Văn Trường	Thành viên
Bà	: Mai Lệ Thủy	Thành viên
Ông	: Nguyễn Mai Dương	Thành viên
Ông	: Trần Đại Nghĩa	Thành viên

Ban giám đốc Công ty gồm:

Ông	: Nguyễn Văn Đông	Giám đốc
Bà	: Mai Lệ Thủy	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát Công ty gồm:

Bà	: Nguyễn Thị Thanh Hương	Trưởng ban
Bà	: Nguyễn Thị Ngân	Thành viên
Bà	: Bùi Thúy Mai Phương	Thành viên

Kế toán trưởng:

Bà	: Trần Thị Thảo	Miễn nhiệm ngày 30/07/2018
Ông	: Nguyễn Văn Trường	Bổ nhiệm ngày 30/07/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2018. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban lãnh đạo nhiệm kỳ hiện tại cam kết, chịu trách nhiệm về sử dụng hiệu quả tài sản hiện có của Công ty trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo đủ nghĩa vụ cho toàn bộ các khoản nợ phải trả.

Hà Trung, ngày 24 tháng 8 năm 2018

Phê duyệt của HĐQT Công ty

CHỦ TỊCH



TM.BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Đón

Số: 582/BCSX/TC/2018/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần SPI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SPI, được lập ngày 30 tháng 07 năm 2018, từ trang 7 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SPI chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Môi trường Quốc Bảo “Công ty con” là đối tượng hợp nhất tại ngày 30/06/2018 chưa được thực hiện kiểm toán. Vì vậy số liệu để hợp nhất vào báo cáo này chúng tôi chỉ có thể căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị tự lập được Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SPI cung cấp.
- Công ty chưa thực hiện trích lập các khoản chi phí theo lương gồm BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho người lao động trong 6 tháng đầu năm 2018 với các tài liệu từ phía Công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể xác định được số cần phải trích vào chi phí và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng năm 2018 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

- Theo thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần SPI và Công ty TNHH Thép Việt Đức Đông Anh về việc Công ty Cổ phần SPI rút vốn với số tiền 20.080.000.000 đồng, hiện tại số tiền này đã được Công ty hạch toán giảm khoản mục đầu tư vào Công ty Liên doanh, liên kết và hạch toán theo dõi trên khoản mục phải thu khác. Số liệu khoản mục này Ban Giám đốc cần lưu ý để có biện pháp thu hồi.
- Chúng tôi cũng lưu ý đến người đọc báo cáo rằng, để được hiểu rõ hơn về báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2018, khi đọc báo cáo này phải được đọc cùng với báo cáo riêng cùng kỳ.

Tp. HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2018

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám Đốc



PHÙNG NGỌC TOÀN

Giấy CNĐKHNKT số 0335-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.113.928.693	124.890.325.373
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.838.887.540	2.958.224.547
1	Tiền	111		2.838.887.540	2.958.224.547
2	Các khoản tương đương tiền	112			
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1	Chứng khoán kinh doanh	121			
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.138.184.988	84.729.965.194
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	62.666.814.622	55.829.921.194
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	125.011.000	70.055.000
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	24.100.000.000	22.300.000.000
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	26.316.370.366	6.600.000.000
7	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(70.011.000)	(70.011.000)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	26.124.058.747	37.188.104.858
1	Hàng tồn kho	141		28.263.910.186	37.188.104.858
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.139.851.439)	
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	V.07	12.797.418	14.030.774
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.797.418	14.028.494
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			2.280
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5	Tài sản ngắn hạn khác	155			
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.762.296.065	99.082.598.131
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6	Phải thu dài hạn khác	216			
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		1.121.598.645	1.361.900.711
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.121.598.645	1.361.900.711
	- Nguyên giá	222		13.766.170.000	13.766.170.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.644.571.355)	(12.404.269.289)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	-
	- Nguyên giá	228		200.000.000	200.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(200.000.000)	(200.000.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		28.900.000.000	28.900.000.000
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	28.900.000.000	28.900.000.000
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	20.080.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11		20.080.000.000
3	Đầu tư góp vốn vào công ty khác	253			
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
V.	Tài sản dài hạn khác	260	V.12	48.740.697.420	48.740.697.420
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		48.740.697.420	48.740.697.420
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4	Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		220.876.224.758	223.972.923.504

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		48.173.912.235	50.228.782.973
I.	Nợ ngắn hạn	310		48.063.912.235	50.118.782.973
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	46.888.710.443	48.993.034.454
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5	30.100.000
3	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	V.14	554.814.770	811.741.502
4	Phải trả người lao động	314			67.520.000
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	170.000.000	66.000.000
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	300.000.000	
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		150.387.017	150.387.017
13	Quỹ bình ổn giá	323			
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II.	Nợ dài hạn	330		110.000.000	110.000.000
1	Phải trả người bán dài hạn	331			
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3	Chi phí phải trả dài hạn	333			
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7	Phải trả dài hạn khác	337	V.17	110.000.000	110.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9	Trái phiếu chuyển đổi	339			
10	Cổ phiếu ưu đãi	340			
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

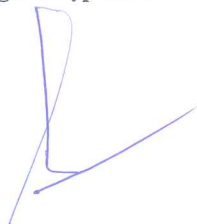
Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		172.702.312.523	173.744.140.531
I.	Vốn chủ sở hữu	410		172.702.312.523	173.744.140.531
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	168.150.000.000	168.150.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.150.000.000	168.150.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	451.161.049	451.161.049
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	4.101.151.474	5.142.979.482
	- LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.148.579.482	4.009.846.116
	- LNST CPP kỳ này	421b		(1.047.428.008)	1.133.133.366
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2	Nguồn kinh phí	431			
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		220.876.224.758	223.972.923.504

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trường

Giám Đốc



Nguyễn Văn Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	24.515.812.133	20.534.438.253
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		24.515.812.133	20.534.438.253
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	25.847.500.303	15.664.558.912
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.331.688.170)	4.869.879.341
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.097.139.454	802.480.302
7	Chi phí tài chính	22	VI.04	7.155.010	676.124.837
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			675.894.187
8	Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty Liên doanh, liên kết	24			
9	Chi phí bán hàng	25			25.560.000
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	805.724.282	6.156.602.997
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.047.428.008)	(1.185.928.191)
12	Thu nhập khác	31	VI.06		10.608.534.132
13	Chi phí khác	32			
14	Lợi nhuận khác	40		-	10.608.534.132
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.047.428.008)	9.422.605.941
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			2.687.772.362
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(369.348.947)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.047.428.008)	7.104.182.526
19	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(1.047.428.008)	5.960.449.606
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			1.143.732.920
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	(62)	354
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

0501172
CÔNG T
CH NHIỆM HỮ
H VỤ TỰ
CHÍNH KẾ T
KIỂM TOÁN
HÍA NAM
- T.P HỒ C

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



Nguyễn Văn Trường

*GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Đức*

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	(1.047.428.008)	9.422.605.941
2	Điều chỉnh cho các khoản			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	240.302.066	8.899.621.384
-	Các khoản dự phòng	03	2.139.851.439	(97.102.500)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.097.139.454)	(785.651.171)
-	Chi phí lãi vay	06		675.894.187
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	235.586.043	18.115.367.841
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(26.606.988.718)	26.511.214.678
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.924.194.672	(868.153.808)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.554.870.738)	(19.327.586.771)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	3.688.223.812
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(709.561.011)
-	Thuế TNDN đã nộp	15	(200.000.000)	(257.458.400)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	405.602.280	
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.796.476.461)	27.152.046.341
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.000.000.000)	(32.800.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.200.000.000	22.900.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	20.080.000.000	
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.097.139.454	1.147.980.871
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.377.139.454	(8.752.019.129)

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		
3	Tiền thu từ đi vay	33	300.000.000	3.661.797.400
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.591.222.174)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	300.000.000	(14.929.424.774)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)	50	(119.337.007)	3.470.602.438
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.958.224.547	2.704.172.721
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	2.838.887.540	6.174.775.159

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trường

Giám Đốc



Nguyễn Văn Đình
GIÁM ĐỐC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho báo cáo 6 tháng đầu năm 2018

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần SPI được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 2801330959; cấp ngày 13 tháng 04 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Khai thác, Sản xuất, Thương mại và Xây dựng.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Chuẩn bị mặt bằng; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Khai thác và thu gom than cứng, than non; Dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Dịch vụ khoan nổ mìn; Sản Xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy nội địa; Trồng và chăm sóc rừng; Đại lý môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng Công ty được hợp nhất:

- Công ty Cổ phần SPI – Là Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Môi trường Quốc Bảo – Là Công ty con với tỷ lệ vốn và Quyền biểu quyết 100%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3- Các căn cứ pháp lý làm cơ sở để hợp nhất báo cáo

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào Công ty Liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con
- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là giá trị ước tính phần tổn thất do vật tư, hàng hóa bị giảm giá, hư hỏng, mất trong hoạt động kinh doanh.

4- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

Loại tài sản

- Nhà cửa vật kiến trúc

Thời gian khấu hao

06 - 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

5- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá 01 chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Còn các chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên 01 chu kỳ sản xuất thông thường thì được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

6- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

7- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

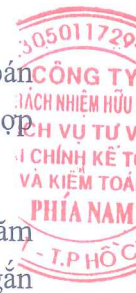
Khoản mục này phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

13- Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

15- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý.

17- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

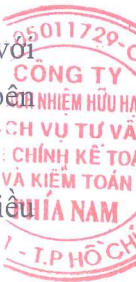
Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18- Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.821.289.686	2.818.206.458
- Tiền gửi ngân hàng bằng VND	17.597.854	140.018.089
Cộng	2.838.887.540	2.958.224.547

02- PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Hải Sơn	18.024.959.700	29.462.893.700
- Công ty CP Thạch Phát Phú Thọ	10.231.973.400	6.732.000.000
- Công ty CP Phân Bón Hasco	7.592.200.000	-
- Công ty CP Sao Hoàng Gia	7.470.200.000	-
- Công ty TNHH TM Hưng Lợi	2.336.000.000	-
- Công ty TNHH MTV TM và DV DL Trần Hoàng Quân	16.190.987.522	16.190.987.522
- Các khách hàng khác	820.494.000	3.444.039.972
Cộng	62.666.814.622	55.829.921.194

03- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty CP Chứng Khoán Đại Dương	70.011.000	70.011.000
- Công ty TNHH MTV Sơn Huyền Phát Gia Lai		44.000
- Công ty CP Chứng Khoán Quốc Tế Hoàng Gia	55.000.000	-
Cộng	125.011.000	70.055.000

04- PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đinh Quang Hải	-	6.200.000.000
- Nguyễn Duy Hưng (a)	8.100.000.000	11.100.000.000
- Đỗ Xuân Thái (b)	5.000.000.000	5.000.000.000
- Hoàng Anh Tuấn (c)	11.000.000.000	
Cộng	24.100.000.000	22.300.000.000

(a) Đây là khoản Công ty cho cá nhân vay được thực hiện theo hợp đồng vay số 07/2017 ngày 28 tháng 7 năm 2017, hợp đồng được ký kết giữa Ông Nguyễn Duy Hưng và Công ty Cổ phần SPI, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.

(b) Đây là khoản Công ty cho cá nhân vay được thực hiện theo hợp đồng vay số 05/2017 ngày 20 tháng 7 năm 2017, hợp đồng được ký kết giữa Ông Đỗ Xuân Thái và Công ty Cổ phần SPI, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.

(c) Đây là khoản Công ty cho cá nhân vay được thực hiện theo hợp đồng vay số 01/2018 ngày 02 tháng 4 năm 2018, hợp đồng được ký kết giữa Ông Hoàng Anh Tuấn và Công ty Cổ phần SPI, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

05- PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu tạm ứng (TK 141)	6.236.370.366	6.600.000.000
- Phải thu về rút vốn Công ty Liên kết (*)	20.080.000.000	-
Cộng	26.316.370.366	6.600.000.000

Ghi chú:

(*) Đây là khoản phải thu là do Công ty TNHH Thép Việt Đức Đông Anh thực hiện thỏa thuận rút vốn, khoản này theo biên bản thỏa thuận thì bên Công ty TNHH Thép Việt Đức Đông Anh sẽ hoàn trả lại cho Công ty Cp SPI.

06- HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Nguyên vật liệu, vật liệu	23.780.824		23.780.824	
- Công cụ dụng cụ	16.266.000		16.266.000	
- Chi phí SXKD dở dang	690.295.697		343.193.631	
- Thành phẩm	1.676.837.033		1.676.837.033	
- Hàng hóa	25.856.730.632	(2.139.851.439)	35.128.027.370	
Cộng	28.263.910.186	(2.139.851.439)	37.188.104.858	-

07- TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12.797.418	14.028.494
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		2.280
Cộng	12.797.418	14.030.774

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

08- TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa - Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	7.947.188.000	4.920.899.091	698.342.000	199.740.909	13.766.170.000
2. Số tăng trong kỳ - Mua sắm mới	-	-	-	-	-
- Tặng do đầu tư XDCB hoàn thành					
3. Số giảm trong kỳ - Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	7.947.188.000	4.920.899.091	698.342.000	199.740.909	13.766.170.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	6.638.612.531	4.867.573.849	698.342.000	199.740.909	12.404.269.289
2. Số tăng trong kỳ - Khấu hao trong kỳ	186.976.824 186.976.824	53.325.242 53.325.242	-	-	240.302.066 240.302.066
3. Số giảm trong kỳ - Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	6.825.589.355	4.920.899.091	698.342.000	199.740.909	12.644.571.355
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
1. Tại ngày đầu năm	1.308.575.469	53.325.242	-	-	1.361.900.711
2. Tại ngày cuối kỳ	1.121.598.645	-	-	-	1.121.598.645



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

09- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền khai thác mỏ đá	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	200.000.000	200.000.000
2. Số tăng trong kỳ	-	-
- Mua sắm mới	-	-
- Tăng do đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
- Giảm do thanh lý	-	-
4. Số dư cuối kỳ	200.000.000	200.000.000
1. Số dư đầu năm	200.000.000	200.000.000
2. Số tăng trong kỳ	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
- Giảm do thanh lý	-	-
4. Số dư cuối kỳ	200.000.000	200.000.000
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

10- CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí dự án trồng rừng tại Yên Bái (*)

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
28.900.000.000	28.900.000.000
28.900.000.000	28.900.000.000

(*) Đây là dự án đầu tư phát triển và trồng măng tre Diêm trúc tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo giấy chứng nhận đầu tư số 16102100024 được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp ngày 30/06/2015. Đến nay dự án chưa đi vào hoạt động, nên số liệu này vẫn được hạch toán và theo dõi trên chỉ tiêu chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại báo cáo tài chính của Công ty con từ các năm tài chính trước chuyển sang.

11- CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm			
Giá gốc	Giá trị hợp lý	Số dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Số dự phòng
Công ty TNHH Thép Việt Đức Đông Anh			20.080.000.000		
(*)					
Cộng	-	-	20.080.000.000	-	-

Ghi chú: (*)

- Khoản đầu tư vào Công ty Liên kết giám là do giữa Công ty Cp SPI và Công ty TNHH Thép Việt Đức Đông Anh thực hiện thỏa thuận rút vốn, khoản này được Công ty Cp SPI hạch toán và treo số dư sang khoản phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

12- CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Lợi thế thương mại (*)	48.740.697.420	48.740.697.420
Cộng	48.740.697.420	48.740.697.420

(*) Đây là giá trị được ghi nhận và hạch toán từ năm 2013, 2014. Công ty Kiểm toán đương nhiệm không thực hiện việc đánh giá lại khoản này, giá trị này được ghi nhận lại số liệu theo sổ sách kế toán và báo cáo kiểm toán năm 2017 đã được Công ty kiểm toán khác thực hiện.

Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018 Công ty không thực hiện phân bổ khoản mục lợi thế thương mại vào chi phí.

13- PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp	10.290.663.900	10.290.663.900	6.757.073.400	6.757.073.400
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng & XNK Tuấn Thành	9.894.265.000	9.894.265.000	9.894.265.000	9.894.265.000
- Công ty TNHH TM DV XD Thiên Hoàng Ngân	-	-	3.756.000.000	3.756.000.000
- Công ty TNHH Nông sản Bình Định	7.288.000.000	7.288.000.000	-	-
- Các khách hàng khác	2.463.600.143	2.463.600.143	2.533.514.654	2.533.514.654
- Các khách hàng (Công ty con)	16.952.181.400	16.952.181.400	26.052.181.400	26.052.181.400
Cộng	46.888.710.443	46.888.710.443	48.993.034.454	48.993.034.454

14- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP CHO NN

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
- Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	137.575.821	(56.926.732)		80.649.089
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	633.942.889		200.000.000	433.942.889
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	40.222.792			40.222.792
Cộng	811.741.502	(56.926.732)	200.000.000	554.814.770

Ghi chú:

- Số thuế đầu kỳ trên Báo cáo này đã được phân loại trình bày lại cho phù hợp với từng loại thuế

- (*) Số thuế GTGT phải nộp (56.924.452) đồng, là số thuế được kết chuyển từ TK 1331 sang bù trừ vào số thuế GTGT phải nộp đầu năm trên báo cáo riêng. Báo cáo Công ty con là (2.280) đồng

15- PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Trần Đại Nghĩa	66.000.000	66.000.000
Phải trả khác	104.000.000	
Cộng	170.000.000	66.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

16- VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyễn Hoàng Luân (*)	300.000.000	
Cộng	300.000.000	-

(*) Khoản vay cá nhân trên được thực hiện theo hợp đồng số 01/2018 ngày 31/5/2018 giữa Ông Nguyễn Hoàng Luân và Công ty Cổ phần SPI với các điều khoản:

- Số tiền vay 300.000.000
- Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay.
- Lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.

17- PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác dài hạn	110.000.000	110.000.000
Cộng	110.000.000	110.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

18- VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	4	6
Số dư đầu năm trước 1/1/2017	168.150.000.000	451.161.049	4.072.351.513
Tăng vốn trong kỳ trước			5.960.449.606
Lãi trong kỳ trước			
Tăng khác			
Giảm vốn trong kỳ trước			
Lỗ trong kỳ trước			
Giảm khác			
Số dư cuối kỳ trước 30/6/2017	168.150.000.000	451.161.049	10.032.801.119
Số dư đầu năm nay 1/1/2018	168.150.000.000	451.161.049	5.142.979.482
Tăng vốn trong kỳ này			(1.047.428.008)
Lãi trong kỳ này			5.600.000
Tăng khác (Do điều chỉnh hợp nhất)			
Giảm vốn trong kỳ này			
Lỗ trong kỳ này			
Giảm khác (Do điều chỉnh hợp nhất)			
Số dư cuối kỳ này 30/6/2018	168.150.000.000	451.161.049	4.101.151.474

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của các cổ đông	168.150.000.000	168.150.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	168.150.000.000	168.150.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	168.150.000.000	168.150.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		-
+ Vốn góp cuối kỳ	168.150.000.000	168.150.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.815.000	16.815.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.815.000	16.815.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.815.000	16.815.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.815.000	16.815.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.815.000	16.815.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu).

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

01- DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CCDV	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Doanh thu bán hàng và dịch vụ	24.515.812.133	20.534.438.253
Cộng	24.515.812.133	20.534.438.253

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

02- GIÁ VỐN HÀNG BÁN	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ	25.847.500.303	15.664.558.912
Cộng	25.847.500.303	15.664.558.912
03- DOANH THU TÀI CHÍNH	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Lãi tiền gửi ngân hàng	56.121	785.655.071
- Lãi chênh lệch tỷ giá		16.825.231
- Lãi tiền cho vay cá nhân	1.097.083.333	
Cộng	1.097.139.454	802.480.302
04- CHI PHÍ TÀI CHÍNH	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Lãi tiền vay	-	675.894.187
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		230.650
- Phí chuyển tiền	7.155.010	-
Cộng	7.155.010	676.124.837
05- CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Chi phí nhân viên quản lý	219.360.000	1.128.142.153
- Chi phí dụng cụ		67.898.447
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	9.000.000
- Hoàn nhập dự phòng		(97.102.500)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.423.274	351.462.631
- Chi phí khác bằng tiền	543.941.008	4.697.202.266
Cộng	805.724.282	6.156.602.997

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

06- THU NHẬP KHÁC	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Thu nhập từ khoản lãi Ngân hàng được miễn		10.608.511.332
- Thu nhập khác		22.800
Cộng	-	10.608.534.132

07- CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.800.000	90.254.063
Chi phí nhân công	261.360.000	1.268.902.153
Chi phí khấu hao TSCĐ	240.302.066	8.093.068.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.423.274	468.057.838
Chi phí bằng tiền khác	2.352.608.053	4.536.585.482
Cộng	2.958.493.393	14.456.867.907

08- THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế khi thực hiện việc quyết toán thuế.

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.044.428.008)	9.422.605.941
- Các khoản điều chỉnh Tăng hoặc Giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	69.689.608
+ Các khoản điều chỉnh Tăng		69.689.608
+ Các khoản điều chỉnh Giảm		
- Tổng thu nhập chịu thuế	(1.044.428.008)	9.492.295.549
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.687.772.362
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(369.348.947)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.044.428.008)	7.104.182.526

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

09- LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.044.428.008)	5.960.449.606
- Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.815.000	16.815.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(62)	354



VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01- Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan theo quy định của chuẩn mực kế toán số 26 quy định như sau:

- Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các trường hợp khác tùy từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

a/ Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Môi Trường Quốc Bảo	- Công ty con (tỷ lệ vốn góp 100%)

b/ Các giao dịch với các bên có liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu gồm:

Các bên liên quan	Nội dung	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát	- Lương	95.000.000

02- Thông tin về Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

03- Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu nhà nước và các cổ đông cá nhân

Các chính sách kế toán chủ yếu

Các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí).

Số liệu về các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.838.887.540	2.958.224.547	2.838.887.540	2.958.224.547
Phải thu khách hàng	62.666.814.622	55.829.921.194	62.666.814.622	55.829.921.194
Trả trước cho người bán	125.011.000	70.055.000	125.011.000	70.055.000
Phải thu khác	26.316.370.366	6.600.000.000	26.316.370.366	6.600.000.000
Tổng cộng	91.947.083.528	65.458.200.741	91.947.083.528	65.458.200.741

Công nợ tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	46.888.710.443	48.993.034.454	46.888.710.443	48.993.034.454
Người mua trả tiền trước	5	30.100.000	5	30.100.000
Vay & nợ thuê TC (NH+DH)	300.000.000	-	300.000.000	-
Phải trả người lao động	-	67.520.000	-	67.520.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	170.000.000	66.000.000	170.000.000	66.000.000
Tổng cộng	47.358.710.448	49.156.654.454	47.358.710.448	133.520.000

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đánh giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ nên Ban giám đốc tin tưởng rủi ro tỷ giá là không có.



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

05- Số liệu so sánh

- Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2017 và Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt - Chi nhánh Hà Nội kiểm toán. Ý kiến báo cáo kiểm toán năm 2017 là ý kiến ngoại trừ.
- Số đầu kỳ trên báo cáo này có điều chỉnh hồi tố giảm phần lãi từ Công ty liên doanh, liên kết trong lợi nhuận hợp nhất do khoản đầu tư này năm 2018 đã hạch toán giảm, theo biên bản thỏa thuận về rút vốn thì số tiền sẽ thu hồi bằng đúng phần giá gốc đầu tư, không có phần lãi, dẫn đến số đầu kỳ trên báo cáo hợp nhất có điều chỉnh giảm chỉ tiêu Đầu tư Công ty Liên doanh, liên kết và giảm lợi nhuận với giá trị 62.505.397 đồng.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trường

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Giám Đốc



Nguyễn Văn Trường
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Trường